

KHOA VIỆT NAM HỌC
TRƯỜNG ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT
TRƯỜNG ĐHKHXH&NV, ĐHQG HÀ NỘI

KHOA VIỆT NAM HỌC
TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ- ĐH HUẾ

GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT 2018



NXB ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

ỨNG DỤNG CÔNG THỨC 5W + 1H VÀO VIỆC DẠY VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Tấn Khang* - Võ Thị Tuyết Nga**

1. Đặt vấn đề

Việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ ngày càng được chú trọng do nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài ngày càng cao. Nhiều phương pháp được ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

Khi học một ngôn ngữ mới, người học sẽ gặp rất nhiều khó khăn để nắm bắt các kỹ năng ngôn ngữ để giao tiếp. Trong đó, kỹ năng viết được xem là một trong những kỹ năng khó. Người học thường băn khoăn với những vấn đề như: Viết như thế nào? Viết sao cho đúng cấu trúc ngữ pháp? Viết sao cho đầy đủ nội dung cần truyền tải?,...

Khi viết một thứ tiếng không phải tiếng mẹ đẻ thì việc nắm vững kỹ năng để viết một câu, một đoạn văn cho hoàn chỉnh, đúng ngữ pháp thì không dễ dàng. Việc học tiếng Việt đối với học viên nước ngoài cũng vậy: học viên có thể nghe, nói tiếng Việt tốt, nhưng không phải vì vậy mà có thể viết tốt. Viết là một kỹ năng tổng hợp, được triển khai và xây dựng dựa trên các kiến thức của những kỹ năng khác. Viết rất khó vì không chỉ phải hiểu biết về cách dùng từ, mà còn phải nắm vững về ngữ pháp, về phong cách,... Viết có yếu tố gián tiếp nên khi viết phải làm sao cho người đọc có thể hiểu những gì mà người viết muốn truyền tải.

Bài viết này đề cập đến một thủ pháp tuy không mới nhưng có thể giúp học viên (có trình độ bậc 3 - 4) viết được đoạn, bài đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực mà mình quan tâm một cách mạch lạc và đầy đủ qua việc áp dụng công thức 5W + 1H.

* Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG-HCM.

** Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG-HCM.

2. Yêu cầu về kỹ năng viết ở bậc 3 và 4

Theo *Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*¹, yêu cầu về kỹ năng viết ở bậc 3 và 4 như sau:

2.1. Mô tả chung

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	Viết được đoạn, bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực mà mình quan tâm theo trật tự logic nhất định.
Bậc 4	Viết được bài chi tiết, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, nhiều lĩnh vực quan tâm khác nhau, biết tổng hợp, đánh giá thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau.

2.2. Viết luận

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	- Miêu tả được chi tiết, dễ hiểu về những chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực mình quan tâm. - Viết được bài đơn giản, có liên kết về các trải nghiệm, miêu tả cảm xúc và phản ứng của mình. - Miêu tả được một sự kiện, một chuyến đi gần đây (thật hoặc giả tưởng). - Viết để kể lại được một câu chuyện.
Bậc 4	- Miêu tả rõ ràng, chi tiết được về các sự kiện hay những trải nghiệm thật hoặc giả tưởng, thể hiện được sự kết nối logic giữa các ý trong bài theo quy ước của thể loại văn bản. - Miêu tả rõ ràng, chi tiết được về những chủ đề mà mình quan tâm. - Viết được bài bình luận về một bộ phim, một cuốn sách hay một vở kịch.

2.3. Tiêu chí ngôn ngữ chung

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	- Có đủ vốn từ để miêu tả những tình huống bất ngờ, ngoài dự định trước. - Có đủ vốn từ để giải thích rõ ràng và thể hiện được suy nghĩ của bản thân về những điểm chính, quan trọng của những vấn đề trừu tượng hay thuộc chủ đề văn hóa như âm nhạc, điện ảnh.

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

	- Có đủ vốn từ để diễn đạt những mong muốn của bản thân, dù đôi khi vẫn cảm thấy chưa được tự tin hay đôi chỗ cách diễn đạt còn dài dòng (do hạn chế về vốn từ) về các chủ đề như: gia đình, sở thích, đam mê, công việc, du lịch, các sự kiện đang diễn ra.
Bậc 4	- Có khả năng diễn đạt được về bản thân một cách rõ ràng, mạch lạc. - Có đủ vốn từ để bày tỏ quan điểm và triển khai lập luận một cách rõ ràng. - Có khả năng sử dụng một vài kiểu câu phức tạp để diễn đạt.

2.4. Vốn từ vựng

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	Có đủ vốn từ để diễn đạt những chủ đề liên quan đến bản thân, tuy còn dài dòng, như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, đời sống hằng ngày và các sự kiện đang diễn ra.
Bậc 4	- Có vốn từ khá rộng để diễn đạt hầu hết các nội dung chuyên môn và các chủ đề chung. - Có khả năng thay thế từ một cách linh hoạt để tránh trùng lặp từ, nhưng do vốn từ vẫn còn thiếu nên diễn đạt vẫn còn dài dòng, chưa mạch lạc.

2.5. Kiểm soát từ vựng

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	Có khả năng kiểm soát tốt vốn từ vựng ở trình độ sơ cấp nhưng vẫn có thể còn mắc lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống mới, lạ.
Bậc 4	Sử dụng từ ngữ chính xác đạt mức khá cao. Tuy đôi chỗ diễn đạt còn gây hiểu lầm do lựa chọn từ chưa đúng, nhưng không gây trở ngại cho quá trình giao tiếp.

2.6. Độ chính xác về ngữ pháp

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	- Giao tiếp được một cách khá chính xác trong những ngữ cảnh quen thuộc. - Nhìn chung, có khả năng kiểm soát ngữ pháp tốt, mặc dù còn bị ảnh hưởng đáng kể của tiếng mẹ đẻ. Có thể còn mắc lỗi, nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

	- Sử dụng được khá chính xác những kiểu câu thường dùng liên quan tới những tình huống quen thuộc.
Bậc 4	- Kiểm soát ngữ pháp tốt, đôi khi cũng mắc những lỗi nhỏ trong sử dụng cấu trúc câu nhưng ít khi xảy ra và thường có khả năng tự sửa chữa khi xem lại. - Không mắc những lỗi dẫn đến hiểu lầm.

2.7. Độ chính xác về chính tả

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 3	Viết được đoạn văn dễ hiểu từ đầu tới cuối, trong đó chính tả, dấu câu, bố cục đoạn đủ chính xác để người đọc dễ dàng theo dõi.
Bậc 4	Viết được một đoạn văn mạch lạc, dễ hiểu, có bố cục và phân đoạn theo chuẩn mực. Tuy nhiên, chính tả và dấu câu chưa được chính xác tuyệt đối, vẫn còn bị ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ.

3. Các bước áp dụng công thức 5W + 1H

Khi dạy kỹ năng viết, ở bước đầu, GV (giáo viên) không nên đặt nặng vấn đề là phải viết hay, viết tốt, chỉ cần người viết nhận định, hiểu được chủ đề, diễn đạt đúng ý, viết đúng chính tả, kết cấu câu hợp lý, rõ ràng. Việc yêu cầu quá nhiều, quá cao có thể gây áp lực cho học viên, làm họ ngại viết. Vì vậy, GV cần nắm rõ trình độ của học viên (HV) để có thể áp dụng phương pháp giảng dạy hợp lý và giúp học viên tiếp cận vấn đề nhanh nhất.

Khi nhận đề tài để viết, HV thường suy nghĩ xem nên viết về cái gì, làm sao để viết, viết như thế nào. Thông thường HV làm dàn ý, ghi chú lại những từ khóa, sau đó triển khai thành câu và cuối cùng là sắp xếp lại thành một đoạn/bài văn hoàn chỉnh. Nhưng đôi khi HV lại không thể kiểm soát hết được những ý tưởng đó, nên khi viết có thể thừa hoặc có thể thiếu thông tin. Điều này có thể làm cho đoạn/bài văn không hay, thiếu tính logic, thậm chí sai chủ đề.

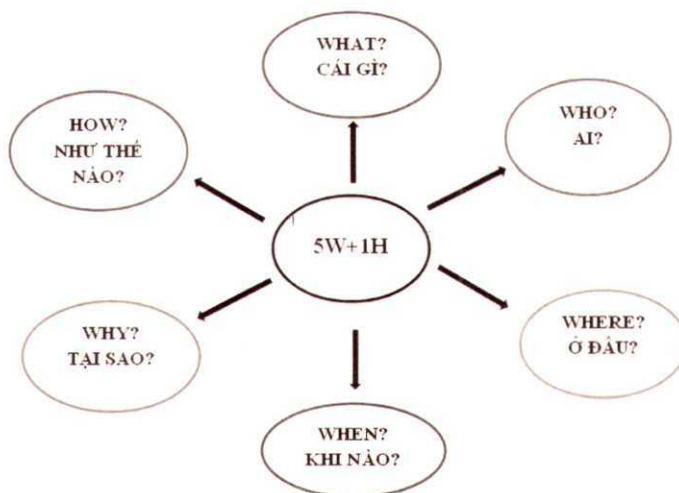
Vậy làm cách nào để cho HV viết được đoạn văn không dư thừa hay thiếu ý? Làm cách nào giúp cho HV lập dàn ý theo cấu trúc xác định?,... Việc sử dụng công thức 5W+1H phần nào có thể giải quyết được những vấn đề trên.

3.1. Công thức 5W + 1H

Công thức 5W + 1H đã được áp dụng từ lâu và ở nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như "Nhà hùng biện Quintilien (sinh năm 35 - mất năm 96 sau Công nguyên) của thành La Mã xưa đã dùng: Quis? Quid? Ubi? Cur? Quibus auxiliis? Quomodo? Quando?" [2 : 143]. Ở Việt Nam, học giả Nguyễn Hiến Lê đề cập tới công thức 5W + 1H: "Hỏi bảy câu hỏi sau của Quintilien: Ai? Cái gì? Ở đâu? Bằng cách nào? Tại sao? Ra sao? Khi nào?" trong cuốn sách *Tổ chức công việc theo khoa học* được xuất bản năm 1950.

Hiện nay công thức 5W + 1H này được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực báo chí để viết tin bài được logic, không bị thiếu ý và đảm bảo cấu trúc bài viết chặt chẽ.

5W là viết tắt 5 chữ cái đầu của các từ tiếng Anh bao gồm Who, What, Where, When, Why và 1H là How. Có thể khái quát hóa công thức này thành sơ đồ như sau:



3.2. Thử áp dụng công thức 5W + 1H

Để minh họa cho việc áp dụng công thức 5W + 1H, chúng tôi chọn một chủ đề: thường gặp trong quá trình dạy tiếng Việt "Hãy kể về một chuyến du lịch mà bạn nhớ nhất". GV có thể hướng dẫn HV thực hiện theo các bước sau để hoàn thành bài viết.

3.2.1. Phân tích đề bài và đặt câu hỏi

Đây là bước đầu tiên để nhận diện vấn đề mà đề bài yêu cầu. HV áp dụng công thức 5W+1H để phân tích đề bài và đặt câu hỏi liên quan:

- What?: chuyến du lịch đáng nhớ
- Where?: chuyến du lịch diễn ra ở đâu
 - địa điểm lựa chọn đi du lịch
 - đã đến những nơi nào
- When?: chuyến du lịch diễn ra khi nào
 - mùa xuân
 - mùa hè
 - lễ, Tết
- Who?: có những ai tham gia
 - gia đình
 - bạn bè
 - một mình
- Why?: tại sao đây là lần đáng nhớ nhất
- How?: chuyến du lịch như thế nào
 - kéo dài trong bao lâu
 - đã làm gì trong chuyến du lịch

3.2.2. Trả lời câu hỏi và kết nối các câu trả lời

Ở bước này, GV hướng dẫn HV trả lời các câu hỏi nêu trên. Sau khi có được câu trả lời, HV có thể kết nối các câu này lại bằng những từ/cấu trúc liên kết đã học để hoàn thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Cần chú ý là khi kết nối các câu, HV phải trả lời theo một trật tự logic, theo yêu cầu của đề bài đã được phân tích ở trên.

Cũng cần lưu ý HV không phải đề tài nào cũng có đầy đủ các yếu tố trong công thức 5W + 1H. HV phải linh động bỏ qua những câu hỏi mà đề bài không yêu cầu, để đi đúng trọng tâm cần viết.

3.2.3. Đọc lại và sửa chữa

Sau khi đã kết nối được các câu thành một đoạn văn, HV cần phải đọc lại để xem bài viết đã đủ ý chưa, có cần phải bổ sung hay không. Trật tự các câu trong đoạn khi được kết nối lại có logic, có mạch lạc để tạo thành một đoạn/bài văn hoàn chỉnh hay chưa. Chẳng hạn: Có cần phải thêm các từ nối giữa các câu để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn không? Các từ ngữ được sử dụng có đúng chính tả không? Có câu nào sai ngữ pháp không? Từ đó, HV tiến hành củng cố và sửa chữa cho hoàn thiện.

4. Kết luận

Công thức 5W + 1H đã được áp dụng từ lâu trong nhiều lĩnh vực để có được văn bản giao tiếp hợp lý, hiệu quả. Trong dạy tiếng, công thức này giúp ích cho HV nước ngoài dễ dàng hơn trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết. Đặc biệt là HV đã qua trình độ sơ cấp, tức là đã viết được câu hoàn chỉnh và đang chuyển sang trình độ trung cấp để viết được một đoạn văn hoàn chỉnh. Ở cấp độ cao hơn HV cũng có thể áp dụng công thức này.

Bài viết này hy vọng đóng góp một phần nhỏ trong việc rèn luyện kỹ năng viết tiếng Việt cho HV nước ngoài. Mặt khác, GV cũng có thể áp dụng công thức này để rèn luyện kỹ năng đọc theo tiến trình ngược lại: từ bài đọc đặt các câu hỏi trong công thức nêu trên cho HV trả lời, v.v.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hiến Lê (1950), *Tổ chức công việc theo khoa học*, Thư viện Quốc gia Việt Nam, <http://sach.nlv.gov.vn/sach/cgi-bin>, truy cập ngày 03/04/2018.
2. Ngọc Trân (2014), *Viết tin bài đăng báo*, NXB Trẻ.
3. Thư viện Khoa học, *Kỹ thuật đặt câu hỏi 5W1H*, theo <https://tusach.thuvienkhoahoc.com>, truy cập ngày 03/04/2018.
4. *Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài* (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

MỤC LỤC

* Nguyễn Thị Phương Anh	Nghiên cứu Khu vực học ở Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững	5
* Võ Thị Ngọc Ân	Hiện tượng chuyển loại giữa hư từ trong tiếng Việt và tiếng Anh	14
* Phan Thái Bình	Một vài so sánh trong ứng xử giữa người Việt và người Hàn	32
* Phạm Thùy Chi	Phương tiện biểu thị ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt	39
* Nguyễn Minh Chính	Đào tạo dịch thuật: dạy dịch ngôn ngữ hay dạy dịch văn hóa?	50
* Trần Nhật Chính	Lễ hội chọi trâu Phù Ninh – nét văn hóa đặc sắc và cổ xưa của tỉnh Phú Thọ	61
* Lê Khắc Cường	Cơ cấu ngữ âm tiếng Tà Mun và sự tương ứng ngữ âm,	
* Phan Trần Công	từ vựng giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ	
* Nguyễn Trần Quý	trong tiểu nhóm Nam Ba-Na	69
* Bùi Duy Dương	Các cặp quan hệ từ tiếng Việt trong văn bản chữ Nôm thế kỷ XV	88
* Đinh Thị Dung	Quan hệ lịch sử - văn hóa khu vực trường hợp Việt Nam - Indonesia	99
* Nguyễn Phước Bảo Đan	Con người xứ Huế: thiên hướng tư duy và những trở lực trong việc phát triển	108
* Đặng Hoàng Giang	Không gian văn hóa buôn làng Tây Nguyên: một cách nhìn khác	115
* Đoàn Lê Giang	Tổng quan nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam ở Nhật Bản	122
* Lê Thị Mỹ Hà	Biến đổi trong tổ chức xã hội của người Stiêng ở Bình Phước	135
* Bùi Thị Duyên Hải	Chiếc áo dài của phụ nữ Việt - quá trình biến đổi	142
* Nguyễn Thị Ngọc Hân	Vấn đề sắp xếp thành phần cú pháp trong câu tiếng Việt của học viên Hàn Quốc	150
* Lê Thị Minh Hằng	“Còn” ngữ pháp hóa	158

* Nguyễn Thị Thúy Hằng	Lịch sử văn du ký Việt Nam từ trung đại đến nửa đầu thế kỷ XX	166
* Nguyễn Thị Minh Hạnh	Mối quan hệ giữa tên đề và nhân vật chính qua một số tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam hiện đại giai đoạn 1996-2016	175
* Yuemoto Haruki Han Mun Won	Cộng đồng người Việt nam ở Ansan, Hàn Quốc	180
* Trần Thị Thu Hiền * Phan Đình Ngọc Châu	Thuận lợi và khó khăn của giảng viên Khoa tiếng Pháp trong giảng dạy tiếng Việt cho người Pháp ngữ	190
* Đỗ Thị Thu Hiền	Đặc điểm về trường của giao tiếp hội thoại hàng ngày trong phim “Người Hà Nội”	197
* Huỳnh Công Hiến	Việc diễn đạt về thời gian trong giáo trình Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài	206
* Trịnh Đức Hiến	Về những kết cấu mới theo kiểu thành ngữ, tục ngữ	224
* Trần Thị Hoa	Tính biểu cảm qua ca khúc “Cát bụi” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn	233
* Nguyễn Thị Hồng Hoa	Một vài khác biệt giao ngôn ngữ căn bản nhằm ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy các học phần dịch cho người Nhật học tiếng Việt	238
* Nguyễn Chí Hòa	Thiết kế chương trình tiếng Việt theo quy trình “ngược”	248
* Hồ Viết Hoàng	Đào tạo và liên kết đào tạo người nước ngoài tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế: nhìn từ study tour về văn hóa Huế	258
* Phan Thị Ánh Hồng	Biến đổi trong tổ chức cư trú của người Ê Đê tại buôn Niêng, xã Ea Nuol, huyện Buôn Đôn, tỉnh Daklak	265
* Đào Văn Hùng	Vai giao tiếp và việc dạy nhóm từ xưng hô trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	277
* Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phong trào bảo vệ văn hóa dân tộc ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1965 - 1968	286
* Võ Sông Hương	Những liên tưởng của người Việt truyền thống về việc sinh nở của con người với sự sinh sôi của vạn vật	293
* Võ Thanh Hương	Sự ảnh hưởng của niềm tin tâm linh	
* Lee Ju Youn * Lee Sun Young	và ngũ giới vào đời sống văn hóa Phật tử Việt Nam	
* Lee Sul Ki * Kim Jung Hun	tại chùa Quảng Tế và Phật tử Hàn Quốc	
* Oh In Yeong * Ko Myung Hui	tại chùa Dae Han Jeong Sa	300
* Jung Ho Jeon		
* Nguyễn Việt Hương	Một số vấn đề về xây dựng giáo trình tiếng Việt bậc Hoàn thiện	312

* Vũ Lan Hương	Khảo sát việc giảng dạy nội dung ngữ pháp biểu hiện hành động yêu cầu trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	320
* Nguyễn Tấn Khang * Võ Thị Tuyết Nga	Ứng dụng công thức 5W+1H vào việc dạy viết tiếng Việt cho học viên nước ngoài	330
* Hoàng Khuê * Nguyễn Thị Như Diệp * Đinh Điền * Nguyễn Thanh Thủy	Ứng dụng kho ngữ liệu song song đa ngữ trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	336
* Nguyễn Huỳnh Lâm * Lee Na Yeong	Lỗi ngữ dụng qua lời cầu khiến của học viên người Hàn Quốc học tiếng Việt	345
* Võ Châu Loan	Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ hướng từ năm 1994 đến nay	351
* Phan Nguyễn Phong Luân	Khai thác giá trị của văn hóa ẩm thực từ sen trong hoạt động du lịch tại Đồng Tháp	358
* Lê Thị Hồng Minh	Những dấu ấn của một phong cách riêng trong <i>Nhị độ mai</i> và một số truyện thơ Nôm khác	366
* Nguyễn Thiện Nam	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, trường hợp Khoa Việt Nam học và tiếng Việt	379
* Nguyễn Thị Bích Nga * Hoàng Thị Dung	Đặc điểm diễn xướng của hát then dân tộc Tày, Nùng vùng đông bắc Việt Nam	388
* Phan Thị Ngân	Kiến trúc nhà thờ Vĩnh Hội – sự giao thoa văn hoá Kitô giáo trong văn hoá Việt	397
* Trần Trọng Nghĩa	Bàn về độ khó trong bài tập tiếng Việt cho người nước ngoài	406
* Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Tầng lớp địa chủ với quá trình thiết lập làng xã ở Tây Nam Bộ thế kỷ XVII – thế kỷ XVIII	416
* Nguyễn Thị Nguyệt	Nghiên cứu truyền thuyết dân gian Việt Nam theo phương pháp loại hình	423
* Ngô Thị Khai Nguyên	Một số hoạt động “chuyển tải” văn hóa trong dạy - học tiếng Việt như một ngoại ngữ	433
* Liêu Thị Thanh Nhân	Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn thực hành dịch cho lưu học sinh Trung Quốc tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	439
* Trần Thị Mai Nhân	Những đóng góp của tiểu thuyết viết về chiến tranh trong văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới	447

* Nguyễn Tuyết Nhung	Độ đo phong cách của văn bản tiếng Việt	
* Đỗ Trần Anh Đức	và ứng dụng	
* Đinh Điền		455
* Dương Thị Nhung	Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực	
* Trần Thị Thu Vân	đối với các giờ học môn Viết tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	463
* Lê Quang Pháp	Một vài nét về quá trình hình thành và phát triển các làng nghề ở huyện Thường Tín, Hà Nội	469
* Nguyễn Văn Phổ	Ý nghĩa hướng của “lùi” và “lui”	479
* Trần Nguyễn Khánh Phong	Dân ca trong đời sống văn hóa của người Tà Ôi	491
* Nguyễn Thanh Phong	Ẩn dụ ý niệm trong “Hạnh phúc cầm tay” của thiền sư Thích Nhất Hạnh	504
* Dương Trường Phúc	Hội đua bò Bảy Núi: “chỉ dẫn địa lý”	
* Ngô Thanh Loan	của văn hóa Khmer An Giang	511
* Nguyễn Văn Phúc	Các đơn vị ngữ âm cần yếu trong dạy và học phát âm tiếng Việt	517
* Lê Nguyễn Hạnh Phước	Công tác đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài	
* Tôn Nữ Thùy Trang	ở Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế và một số đề xuất	530
* Nguyễn Hoàng Phương	Một số nét nghĩa tri nhận của động từ tri giác “thấy”	546
* Nguyễn Thị Diễm Phương	Phát triển du lịch nông thôn ở Tây Nam Bộ: tiềm năng và thách thức	552
* Lương Ngọc Khánh Phương	Ẩn dụ ý niệm “phụ nữ là thực vật” trong tiếng Việt	560
* Võ Thị Diễm Phương	Từ địa phương trong “ngôn ngữ teen” của sinh viên Bạc Liêu	569
* Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ quyền Việt Nam truyền thống tham chiếu	
* Huỳnh Vĩnh Phúc	với nữ quyền thế giới qua các phong trào nữ quyền	576
* Nguyễn Trường Sơn	Bài tập dạy ngôn ngữ ứng dụng khái niệm trực ngữ đoạn - trực liên tưởng của Ferdinand de Saussure	585
* Phan Thanh Sơn	Vài nhận xét về từ tình thái và quán ngữ tình thái trong việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	592
* Lê Thị Thanh Tâm	Văn học Việt Nam trung đại và cuộc hội nhập nền văn minh Đông Á - một cái nhìn khái lược	599
* Phan Thanh Tâm	Cụm động từ tiếng Stiêng	611
* Nguyễn Thị Hoài Thanh	Ẩm thực - tinh hoa văn hóa Huế	617
* Bùi Việt Thành	Cây cà phê Việt Nam và Khe Sanh- Quảng Trị: Lịch sử về quá trình phát triển	624

* Lê Lâm Thi	Quan điểm lấy người học làm trung tâm trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	633
* Vũ Văn Thi	Một số đặc điểm riêng biệt của hư từ tiếng Việt	640
* Huỳnh Đức Thiện	Di tích lịch sử - văn hóa trong sự phát triển du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh	649
* Nguyễn Thanh Nhung	Lễ giỗ tổ nghề hát bội tại các không gian thờ ở Thành phố Hồ Chí Minh	660
* Đặng Phương Toàn	Các thể loại kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945	671
* Nguyễn Thị Huyền Trang	Phương pháp sử dụng trò chơi học tập trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	678
* Nguyễn Thị Thu Trang	Nhân vật <i>Chàng trai khỏe</i> trong truyện cổ tích Việt Nam và Ấn Độ	685
* Trần Thị Thu	Khuynh hướng khai thác sự kiện lịch sử trong kịch viết về đề tài lịch sử từ 1945 đến nay	694
* Nguyễn Thị Thanh Truyền	Cách sử dụng tổ hợp từ “gì mà” (áp dụng trong trường hợp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ)	701
* Phan Thị Yên Tuyết	Về vấn đề tộc người Tà Mun	707
* Trần Thị Tươi	Phạm Quỳnh nhìn từ nỗ lực giải thuộc địa hóa	727
* Nguyễn Thị Huyền Vân	Phát triển du lịch và sự biến đổi đời sống người dân tại khu di tích Yên Tử (xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh)	734
* Nguyễn Thị Vân	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số quốc gia Đông Nam Á (liên hệ với Việt Nam)	739
* Trần Thủy Vịnh	Về phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	748
* Lê Thị Thanh Xuân	Những vấn đề lý luận cơ bản và đề xuất những hướng nghiên cứu về nữ quyền ở trong và ngoài nước	766
* Trần Thị Xuân	Khảo sát các yếu tố phong tục Việt Nam trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	773
* Vũ Thị Xuyên	Những mặt hàng ngoại nhập ở đảng trong Thế kỷ XVI – XVIII	783
* Nguyễn Thị Hoàng Yên	Ngữ kết quả và cấu trúc kết quả tiếng Việt	792
* Nguyễn Kim Yên	Ứng dụng Task-based Learning – TBL vào việc dạy hội thoại tiếng Việt cho người nước ngoài	795

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm về tác quyền
KHOA VIỆT NAM HỌC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH & NV - ĐHQG TP HCM

ISBN: 978 - 604 - 73 - 6155 - 7

Số lượng 300 cuốn, Khổ 20 x 28 cm, ĐKKHXB số: 1594-2018/CXBIPH/04-90/ĐHQGTPHCM, Quyết định XB số 114/QĐ-ĐHQGTPHCM của NXB ĐHQG-HCM cấp ngày 22/6/2018. In tại: Công ty TNHH MTV In ấn Mai Thịnh Đức. Địa chỉ: 71 Kha Vạn Cân, Quận Thủ Đức, TP.HCM. Nộp lưu chiếu: Quý III/ 2018.

GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT 2018

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Chịu trách nhiệm nội dung

ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH, NGUYỄN ANH TUYẾN, LÊ THỊ THU THẢO

Sửa bản in

PHƯỚC HUỆ, THIÊN PHONG, PHAN KHÔI

Trình bày

ĐẶNG ĐỨC LỢI

Nhà xuất bản ĐHQG-HCM và tác giả/đối tác liên kết giữ bản quyền©
Copyright © by VNU-HCM Press and author/co-partnership All rights reserved

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6361 - 028 6272 6390

E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH

Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6361 - 028 6272 6390, **Website:** www.nxbdhqghcm.edu.vn

TRUNG TÂM SÁCH ĐẠI HỌC

Tầng hầm, Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6350 - 028 6272 6353, **Website:** www.sachdaihoc.edu.vn

GIẢNG DẠY,
NGHIÊN CỨU
VIỆT NAM HỌC
VÀ TIẾNG VIỆT
2018



Giá: 350.000đ